TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ–ST
Ngày: 20-02-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đoàn;

2. Ông Nguyễn Thanh An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 660/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12/12/2024, về "*ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày: 08/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm: 1988, cư trú: Ấp D, xã H, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phan Trọng N, sinh năm: 1986, cư trú: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị B trình bày:

Chị Trần Thị B và anh Phan Trọng N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 23/5/2008. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Từ năm 2022, vợ chồng sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chị B xin ly hôn là do vợ chồng thường xuyên cãi vả, sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm ai. Mỗi lần anh N đi uống rượu về, thì anh N la mắng chị B và con chung. Anh N không quan tâm, chăm lo cho cuộc

sống gia đình, mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế trong gia đình. Hiện tại anh N đã về ở bên nhà mẹ ruột anh ở xã P, huyện C, tỉnh Long An. Thời gian không sống chung, anh N và chị B không có giải pháp để đoàn tụ. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị B và anh N có con chung là Phan Thị Phương V, sinh ngày 01/6/2009. Hiện con chung đang sống chung với chị B, học ở trường Nguyễn Văn T, địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh. Điều kiện sinh hoạt và học tập cháu là ổn định. Nếu Tòa án cho ly hôn, chị B yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ba không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị B tại các buổi làm việc hoà giải và xét xử tại Toà Án các cấp.

Bị đơn là anh Phan Trọng N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án là: Vợ chồng anh N cưới nhau năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, do mai mối. Nguyên nhân mâu thuẫn là hiện tại, do anh N không có công việc nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh không thể phụ chị B lo cho gia đình. Hiện anh sống ở xã P, huyện C, còn chị B và con chung sống ở huyện N, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có giải pháp để đoàn tụ. Hiện anh N vẫn còn thương chị Ba k đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có một con chung là Phan Thị Phương V, sinh ngày 01/6/2009. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh N xác định nếu cháu Y có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng. Anh N cấp dưỡng nuôi con theo sự thỏa thuận với chị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B. Chị B được ly hôn với anh N. Về con chung: Chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thị Phương V, sinh ngày 01/6/2009. Về cấp dưỡng: Chị Ba không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị B có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, anh Phan Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B, anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 243 ngày 23/5/2008 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cấp thì chị B và anh Nghĩa là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Chị B và anh N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị B, anh N trình bày là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, kinh tế gia đình gặp khó khăn. Hiện, vợ chồng không còn sống chung. Trong thời gian không sống chung, chị B, anh N không thể đoàn tụ. Anh N cho rằng anh còn thương vợ, thương con, nhưng anh không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị B vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị B, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị B, anh N có người con chung là cháu Phan Thị Phương V, sinh ngày 01/6/2009. Hiện tại chị B đang nuôi dưỡng cháu V, điều kiện sống của cháu đã ổn định. Quá trình giải quyết vụ án, chị B, anh N thống nhất để chị B tiếp tục nuôi dưỡng cháu V. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao chị B tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phan Thị Phương V, sinh ngày 01/6/2009. Việc giao cháu V cho chị B nuôi dưỡng cũng phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của cháu. Về mức cấp dưỡng: Chị Ba không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Ba phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010820 ngày 04/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B đối với anh Phan Trọng N.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị B được ly hôn với anh Phan Trọng N.

2. Về con chung: Chị Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Thị Phương V, sinh ngày 01/6/2009.

Về cấp dưỡng: Chị Ba không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Ba phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010820 ngày 04/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh V1